

LUÂN HỒI

A. ĐẠI CƯƠNG

- I. Căn Bản Tinh Thần
- II. Luật Tái Sinh Trong Bối Cảnh Rộng Lớn
- III. Mục Đích
- IV. Ý Nghĩa

B. CƠ CHẾ

- I. Yếu Tố Ảnh Hưởng
- II. Thời Gian Giữa Hai Kiếp Sống

C. TẠO CÁC THỂ MỚI

- Thể Trí Tháng Thứ Tư
- Thể Tình Cảm Tháng Thứ Tư
- Công Việc Tinh Linh Tháng Thứ Tư
- Thể Sinh Lực và Xác vào Tháng Thứ Năm
- Tháng Thứ Sáu
- Tháng Thứ Tám
- Đức Mẹ Thế Giới
- Một Giờ Trước Khi Sinh

Để theo dõi sát ý của bài, bạn cần đọc thêm những mục sau có đăng trên trang web:

- Vòng Tái Sinh (H.K.Challoner)
- Hành Trình Một Linh Hồn (Peter Richelieu).

A. ĐẠI CƯƠNG

Luật Luân Hồi hay Tái Sinh được nói tới nhiều ở đông phương và có nhiều người theo, luật không phải chỉ được dạy riêng trong Phật giáo mà thật ra, Ấn giáo đã đề cập tới luật từ lâu trước Phật giáo, cũng như hiểu biết ấy đã có trong giống dân xưa ở tây phương như người Druids, người xứ Galles, và được các giáo sĩ ban đầu của Thiên Chúa giáo chấp nhận (Clement, Origen). Đã có nhiều sách viết về luật, và cũng có nhiều quan niệm sai lầm được đưa ra khiến tinh thần duy lý của tây phương bác bỏ luật.

Để có cái nhìn đúng đắn, ta cần trình bày luật dựa trên căn bản tinh thần, đặt trong bối cảnh rộng lớn mà nó tác động.

I. CĂN BẢN TINH THẦN

Nguyên nhân của sai lầm khi bàn về luật tái sinh là do ta đứng trên vị trí cái tôi mà nhìn sự việc thay vì con người thiêng liêng, xem xét vấn đề dưới góc cạnh hình thể vật chất mà không phải là sự sống vĩnh cửu.

Con người vốn thiêng liêng và cùng bản chất với Thượng đế, những đặc tính của Thượng đế có sẵn và tiềm tàng trong con người mà để biểu lộ, linh hồn chọn cách tái sinh nhiều lần hầu thu thập kinh nghiệm, như vậy không phải chính xác thân vật chất này trở lại, nhưng là phần tinh thần, linh hồn bất diệt bên trong. Mỗi lần đầu thai, linh hồn từ cõi cao đi xuống thấp khoác lấy ba thể xác, tình cảm và trí để hoạt động trong ba cõi vật chất, tình cảm và trí tuệ. Khi bài học đã xong, công việc đã trọn ở ba cõi ấy, linh hồn chấm dứt một kiếp sống và trở về ngôi nghỉ ở cõi Devachan, chờ ngày giờ trở lại để tiếp tục học hỏi và phát triển. Trên bình diện nhỏ sự việc không khác gì một ngày trong đời người. Ban sáng ta ấn định một số công việc phải thực hiện và khi hoàn tất, ta ngủ ban tối để ngày mai bắt đầu một chương trình mới; mỗi ngày được lập lại nhưng không giống nhau, và nhằm đưa ta đến mục tiêu đã vạch.

Có nhiều cách để nói lên ý linh hồn bất diệt qua bao kiếp và đóng vai chính, còn các thể trong mỗi kiếp là phụ. Hoặc cuộc đời được coi như là sân khấu và diễn viên là linh hồn bất tử, các vai họ đóng là những kiếp trải qua. Võ kịch tháng sau có thể khác võ kịch tháng trước và diễn viên thủ vai khác nhau, nhưng khi hạ màn thì vẫn chỉ có một diễn viên thoát ra từ hai y trang của hai vai trò ấy. Hoặc ta còn có thể coi cuộc đời như trường học, suốt năm học sinh ngồi ở lớp một và qua năm sau lên lớp hai. Ý này chính xác hơn, vì tái sinh chỉ được hiểu đúng đắn khi đi kèm với luật tiến hóa; bằng không ý nghĩa của luật mất đi rất nhiều nếu cho rằng con người thiêng liêng trở đi trở lại mãi ở cõi trần mà không có mục đích nào khác ngoài việc tạo và trả quả. Mục đích của con người thật là tiến hóa, trở nên 'trọn lành như Thượng đế trên cao', và nó dùng luật tái sinh để thực hiện mục đích ấy.

Bởi có nhiều bài học phải thấu triệt, mỗi kiếp con người tìm cách đặt để mình vào hoàn cảnh thích hợp để học điều cần nên luật Luân Hồi còn nên được gọi là luật Cơ Hội. Tên ấy gọi nên ý tích cực, tư tưởng mới mẻ rằng trong mỗi kiếp, con người đóng vai chủ động và tiến lên một vị trí tiến hóa mới, một ý mà vài sách khi bàn về luật đã không nói kỹ.

Chuyện đáng ghi là hầu hết sách viết về luân hồi nhấn mạnh đến khía cạnh vật chất và hiện tượng, dù luôn luôn có nói sơ qua về những gì gạt hái được về mặt tinh thần và trí tuệ trong mỗi kiếp. Bản chất thực sự của cái thức đang khai mở và sự tăng trưởng của nội tâm con người thật ít khi được lưu ý. Cũng ít khi hay gần như không

có việc bàn tới sự cải thiện của cơ chế tiếp xúc trong mỗi kiếp, cho kết quả là mỗi kiếp con người có xác thân thích ứng hơn, cơ thể được hoàn bị với não bộ tinh vi hơn và nhờ thế, gia tăng tính nhạy cảm với môi trường bên ngoài. Nó hàm ý dấu hiệu của người tiến hóa là mức thông cảm với ngoại giới và kẻ khác càng ngày càng nhiều, khả năng nhận xét của họ bén nhạy hơn để hiểu sự việc, mà cái tâm cũng rộng rãi hơn, bớt phán xét. Thực vậy, vào cuối đời có hai đặc tính ta có thể dùng để tự xét đã học hỏi đúng mức chăng trong cuộc đời sắp xong, ấy là lòng khoan dung và tính thương. Sự thiếu sót hay gia tăng hai tính ấy lúc về già cho thấy ngay một ai đã thu thập hay chưa bài học của đời. Vì càng hiểu biết sự sống, người ta càng phản ứng đúng cách là thương yêu và khoan dung nhiều hơn.

Cũng trong những sách viết về tái sinh, chi tiết về lối sống, điều kiện vật chất, nhà cửa, quần áo và mối tương quan với người khác được trình bày thêm thắt, và nhớ lại quá khứ thường là gọi lại những giờ phút gây cần, thổi phồng đặc biệt cái phạm nhân tái sinh lần tính kiêu ngạo của nó.

Có vài yếu tố khiến cho chuyện luân hồi được trình bày như vậy.

- Trước tiên ảo ảnh vẫn còn chi phối con người mạnh mẽ, ngay cả người đã hiểu biết trong nhân loại.

- Kế đó, người viết hay kể chuyện đang ở mức tiến hóa chưa cho phép họ nhìn chu kỳ của sự sống theo quan điểm của linh hồn thân nhiên không vướng bận, u mê. Bởi nếu được vậy, sự mô tả các hiện tượng vật chất đã được bỏ qua, hay không chú ý đến mà chỉ những giá trị tinh thần và trí tuệ, cùng những gì có liên quan đến sự sống bên trong của nhóm (ta sẽ nói thêm) mới được nhấn mạnh như trong chuyện Vòng Tái Sinh.

II. LUẬT TÁI SINH TRONG BỐI CẢNH RỘNG LỚN

Luật luân hồi chỉ được hiểu đúng đắn khi đặt nó vào bên cạnh những luật Tiến Hóa, Nhân Quả, và Thu hút-Xô đẩy. Đặc biệt luật luân hồi và nhân quả đi đôi với nhau không thể tách rời, nên ta dành một chương riêng để nói tiếp sau chương này.

Luật luân hồi nằm trong luật tiến hóa, do đó nói rằng con người có thể tái sinh làm con vật là không đúng, vì như thế đi ngược với đường tiến hóa. Khi tới mức độ người, linh hồn đã vượt qua một chặng đường tách biệt hẳn với loài vật, không cần trở lại để thu thập kinh nghiệm đã biết. Tuy nhiên sự sa đọa có thể thấp đến mức thân thức con người tạm thời bị lôi cuốn vào con vật, vướng bận ở đó một khoảng thời gian. Theo tác giả Alexandra David Neil, người Tây Tạng kể rằng xưa kia có một vị cao tăng đi vân du, một hôm ông ngồi nghỉ ở bờ giếng ngoài làng. Khi ấy có thiếu nữ ra gánh nước. Thấy cô, không nói không rằng vị tăng nhảy đến toan cưỡng hiếp. Cô gái chống cự, thoát chạy về nhà kể cho mẹ sự việc. Bà hỏi lại diện mạo vị tăng và khi suy nghĩ kỹ, gọi con bảo rằng:

- Con hãy ra bờ giếng xin lỗi và làm y như lời ngài dạy. Đó là bậc cao tăng đức độ vang lừng khắp nước, ngài làm vậy ắt phải có lý do.

Thiếu nữ vâng lời. Nghe cô thưa vị sư già ung dung đáp:

- Con ơi, hàng phụ nữ không phải là sở thích của ta. Mới đây vị sư chùa làng trên viên tịch, bởi tánh giải đãi ưa điều sắc dục hơn là tu hành lúc còn sống, linh hồn ông khi chết phải thác sinh vào chỗ thấp. Vừa rồi linh hồn vị ấy đi ngang, động lòng thương ta định cưỡng bức con để cứu ông khỏi đọa, nhưng nghiệp lực quá mạnh khiến con vượt khỏi tay ta, cùng lúc ấy con bỏ cái ngoài ruộng hạ sinh, linh hồn vị tăng đã nhập vào con bê con ấy. Tội thay, tội thay!

Một chuyện khác cũng mang cùng ý nghĩa là có hai vị tăng vốn là bạn thiết của nhau. Nghe tin bạn qua

đời, vị kia lại chùa viếng, ông dùng phép thần thông kiếm hết mấy tầng trời mà không gặp, ông quay sang những tầng địa ngục cũng chẳng thấy tăm hơi. Ngạc nhiên, ông suy nghĩ hồi lâu rồi cho gọi đệ tử hỏi:

- Bình sinh thầy con có ưa thích điều gì lắm không ?
- Dạ có, thầy con rất ưa mật mía.

Vị tăng quan sát và quả nhiên trong đám mía sau chùa, ông thấy thần thức của bạn đã nhập vào con sâu đang thưởng thức chất đường trong ruột mía.

Có lẽ không cần thắc mắc về tính cách xác thực của hai chuyện, mà chỉ nên coi đó như là gợi ý thêm về cơ chế tái sinh.

Luật tái sinh không những chỉ áp dụng cho người mà cho cả những loài thấp hơn, hay cho cả một hệ tiến hóa, một vũ trụ. Khi ấy ta thấy rõ luật là một thành phần của luật Chu Kỳ. Nếu có lúc con người biểu lộ ở cõi thấp, hoạt động học hỏi và có lúc rút về ngơi nghỉ ở cõi cao, thì một hành tinh cũng có lúc biểu lộ và có lúc tan biến. Sự việc không khác với thái dương hệ. Thái dương hệ được sinh ra, hoạt động rồi tàn lụi. Hằng ngày trong vũ trụ có vô số những ngôi sao là mặt trời của thái dương hệ tương lai được tạo ra, hoặc đang trên đường hủy diệt.

Vậy muốn xét luật luân hồi ta phải đề cập tới các luật trên, theo đó hai luật chu kỳ và tái sinh là những luật phụ của luật thu hút-xô đẩy. Sự tiến hóa theo chu kỳ hoàn toàn là kết quả của hoạt động vật chất và ý chí hay tinh thần, nó được sinh ra do tác động hỗ tương của vật chất náo động và tinh thần tạo hình thể. Mỗi hình thể mang một sự sống, mỗi sự sống không ngừng đi tìm những sự sống khác cũng đang chìm sâu trong hình thể, để hòa hợp.

Theo Minh Triết Thiêng Liêng (MTTL = Theosophy, Thông Thiên Học), sự sống biểu lộ bằng âm thanh (Ngôi Lời), mọi sự sống và hình thể có nốt riêng với những đặc tính tương ứng với trình độ tiến hóa của chúng lúc bấy giờ.

- Khi các nốt của tinh thần và vật chất vang lên giống nhau thì sự tiến hóa thành tựu.
- Khi các nốt của tinh thần vang mạnh hơn cái nốt vật chất và hình thể, ta có tinh thần đẩy lui vật chất.
- Còn khi nốt của vật chất mạnh hơn, ta có sự thu hút giữa các hình thể.

Và đó là căn bản cho sự việc xảy ra trong cuộc tiến hóa và trong những cảnh đời. Chúng có thể được mô tả như sau:

- Giai đoạn mà nốt của hình thể ưu thắng là con đường đi xuống.
- Giai đoạn tinh thần đẩy lui hình thể: ta có sự tranh chấp ở ba cõi.
- Giai đoạn tinh thần thu hút tinh thần, kể đó là việc rút lui dần khỏi ảnh hưởng của thế giới vật chất, con người tiến vào đường đạo.
- Giai đoạn ưu thắng của cái nốt tinh thần, là sự tiến hóa ở các cõi trên.

Sự đồng nhịp hay lỗi nhịp của cái nốt là nguyên do của tất cả những gì xảy ra trong đời. Ban đầu ta có nốt căn bản của vật chất. Kế đó, nốt của tinh thần cất lên dần dần lấn át nốt thấp cho đến khi chế ngự tất cả những nốt khác. Tuy nhiên ta nên nhớ rằng chính cái nốt của sự sống đã giữ cho hình thể được liên lạc thành một khối. Chẳng hạn nốt của mặt trời giữ cho các hành tinh ở lại trong thái dương hệ. Với một sự biểu lộ, những nốt vang lên mãi cho đến khi có sự đồng nhịp, hòa điệu với nhau, công việc xong thì sự sống bắt đầu rút lui khỏi hình thể, cho ra sự tan rã của cái sau. Cứ như thế sự tiến hóa đi theo chu kỳ. Ở con người, ta giữ cho ba thể liên lạc qua cái nốt của mình. Có thể nói tổng quát rằng luật hấp dẫn biểu lộ quyền năng của tinh thần, còn luật xô đẩy quản trị hình thể:

- Khuynh hướng của hình thể vật chất là xô đẩy nhau, gây chia rẽ.
- Khuynh hướng của tinh thần là hòa hợp với tinh thần trong một chu kỳ lớn.

- Trong chu kỳ nhỏ, tinh thần tạm thời thu hút hình thể,

Trong cuộc tiến hóa khi yếu tố thứ ba là Trí Tuệ can dự và mục tiêu là sự quân bình, thì ta thấy sự biểu lộ có chu kỳ của hình thể và tinh thần với kết quả là sự thể hiện nhịp nhàng có trật tự của hành tinh, con người và những loài khác. Do sự lập đi lập lại mà trên đường đi xuống, tâm thức phát triển và khả năng đáp ứng nảy nở. Trên đường đi lên khi khả năng này đạt tới mức thành một phần của con người tinh thần, nó phải được sử dụng trên mọi cõi, và hoạt động lại đi theo chu kỳ, do đó phương pháp tái sinh được áp dụng. Khi cái tâm thức bên trong đã hòa hợp thành một phần của Thượng đế ở mọi cõi trong thái dương hệ, chỉ vào lúc đó sự tiến hóa theo chu kỳ ngưng lại ở cảnh giới thấp và bắt đầu ở cảnh giới cao hơn trong vũ trụ.

Tới đây ta thấy rằng sự tiến hóa theo chu kỳ không thể nào tách biệt với ý niệm về tâm thức. Vật chất biểu lộ hay mất đi theo một nhịp, và sự sinh, tử, tái sinh cũng bị quản trị bởi nhịp. Chẳng riêng gì con người mà cả một giống dân cũng tái sinh, lấy thí dụ giống dân Hy Lạp xưa với khuynh hướng chuộng mỹ lệ, triết lý đã tái sinh vào nước Pháp, và giống dân La Mã với óc quản trị hành chánh, đặt luật lệ đã sinh vào nước Anh, cho ra đặc tính nổi bật của hai quốc gia này.

Luật tái sinh hoạt động theo chu kỳ vì vậy là căn bản của mọi hiện tượng và sự biểu lộ. Nó là cái nhịp của sự sống trong vũ trụ, là cái hít vào thở ra trong tiến trình biểu lộ của sự sống thiêng liêng.

III. MỤC ĐÍCH

Giới hạn sự tìm hiểu của chúng ta vào nhân loại, mục đích xa của tái sinh là để con người học hỏi, trở nên trọn lành như Thượng đế, còn mục đích gần là tạo hình thể ngày càng hoàn hảo, và mở rộng tâm thức. Đi vào chi tiết hơn một chút, người trung bình tái sinh và cố gắng thực hiện trong mỗi kiếp:

- * Sự phát triển tâm thức, hay gọi dậy cái khả năng thức tỉnh, đáp ứng với thế giới bên ngoài.
- * Đạt thêm một phần khả năng trường cửu, hay mở mang thêm thiên tính, điều không hư hoại.
- * Sinh ra một số nguyên nhân mới cho những hậu quả không thể tránh được.

Khi con người tiến hóa, bước vào đường đạo, họ tái sinh với mục đích khác hơn một chút.

* Như khi trước, tâm thức anh mở rộng nhưng anh bắt đầu làm việc một cách thông minh từ trên cao, tức đứng trên quan điểm tinh thần và không còn làm việc mù quáng ở những cõi thấp, hay nhìn sự việc theo quan điểm vật chất.

* Chấm dứt việc tạo nhân quả trong ba cõi và khởi sự quân bình chúng, thu xếp những gì còn ràng buộc anh vào ba cõi.

Ta sẽ đi vào chi tiết và những ngoại lệ ở sau.

IV. Ý NGHĨA

Sự nhấn mạnh quá đáng vào một phái tính và những ngộ nhận đi kèm sẽ không còn nữa khi ta biết rằng linh hồn không có phái tính, mà phái tính chỉ có khi linh hồn khoác lấy hình thể. Nhằm mục đích thí nghiệm, gạt hái những kinh nghiệm khác nhau mà linh hồn có lúc chọn thể xác nam, có lúc nữ để hiểu biết trọn vẹn những khía cạnh âm dương của sự sống. Nhìn theo cách ấy, không một phái nào chịu hoàn toàn phần lỗi mà tất

cả nhân loại đều đã góp phần tạo nên tình trạng hiện thời, cũng như ai cũng phải đồng đều nỗ lực trong việc chấn chỉnh, cải thiện, làm tình trạng được tốt lành hơn. Khi nhận xét rằng phái nam lạm dụng thân xác phái nữ, ta cần hiểu không phải chỉ riêng nam giới đã sinh ra việc ấy, bởi mỗi linh hồn đã tái sinh làm người nam hay nữ hoặc trong kiếp qua, hoặc kiếp tới, và do đó chia sẻ trách nhiệm.

Theo luật tái sinh, mỗi kiếp sống không phải chỉ là sự thu góp trở lại kinh nghiệm trong đời, mà còn là việc nhận lãnh những ràng buộc từ xưa, làm sống lại mối liên hệ ngày trước, có cơ hội để trả nợ cũ, dịp may để tiến lên, gợi dậy những tư chất bị chôn vùi sâu, tái ngộ bạn cũ lẫn cựu thù, là giải đáp cho lăm bặt công nhúc nhối và giải thích những điều kiện làm con người thành cái họ là ngày nay. Đó là cái luật đang rất cần được nhìn nhận khắp nơi, và khi người biết suy nghĩ hiểu ra, sẽ hóa giải nhiều vấn đề hệ trọng.

Được như vậy là bởi khi coi luật như là một nguyên lý thông minh quản trị, mỗi người sẽ sống cẩn thận hơn, và sẽ để ý làm tròn bổn phận đối với gia đình và tập đoàn. Họ biết rõ là 'con người gặt cái đã gieo', gặt nó ở cõi trần này và ngay bây giờ mà không cần chờ một thiên đàng hay địa ngục bí ẩn xa xôi. Con người sẽ cố gắng điều chỉnh mỗi ngày đời sống của mình trên trái đất, nơi có thể thành thiên đàng đúng nghĩa hay tệ hơn bất cứ địa ngục nào.

Việc quảng bá thuyết luân hồi, sự trình bày có tính khoa học dựa trên lý luận chứng minh là điều rất nên làm, vì nó cho con người nhìn sâu hơn vào sự sống khi dạy rằng cuộc đời này không phải là cơ hội duy nhất để phát triển khả năng và đạt sự hoàn thiện. Khi chấp nhận luật, nó sẽ thành một tác nhân giải tỏa trong lúc có biến cố lớn trong đời hay xáo trộn tâm lý. Cái ý thức là còn cơ hội trong tương lai, con đường dài trước mặt, sẽ làm dịu tâm hồn và có lợi cho nhiều người. Nó có giá trị soi sáng khi con người hiểu rằng trong quá khứ họ đã từng trải qua những biến cố lớn lao, vượt qua được chúng để tới vị trí hôm nay, và với biến cố xảy ra hiện giờ, khó khăn đối mặt, họ cũng rất có thể chiến thắng.

Ánh sáng mà luật soi tỏ vào các mối liên hệ, vào hoàn cảnh sống sẽ khiến con người cố ổn định mục tiêu trong đời, làm anh hiểu việc không thể trốn thoát trách nhiệm. Khi luật được thấu hiểu đúng đắn mà không phải diễn giải theo cách sai lạc ngây ngô hiện giờ, con người sẽ gánh vác trách nhiệm hằng ngày với ý thức về chuyện quá khứ, hiểu biết mục tiêu của hiện tại và hướng về tương lai. Hiểu biết luật cũng làm giảm bớt đáng kể khuynh hướng tự tử trong nhân loại. Việc thiết thực là với khoa tâm lý hiện thời, sự hiểu biết và nhìn nhận luật tái sinh sẽ rất hữu ích vì nó thêm yếu tố thời gian vào cuộc sống, giải thích sự khiếm khuyết về mặt tính cảm, trí tuệ hay thân xác và trên hết thấy, mang lại hy vọng, ý tưởng có thể thành đạt và thực hiện ước vọng sau cùng.

Đây cũng là dịp để chữa lại vài sai lầm trong thần học. Chúng ta nên phân biệt giữa lời dạy của đức Chúa và thần học, tín điều của giáo hội Thiên Chúa, bởi có khác biệt sâu xa giữa hai ý. Tín điều cho rằng con người chỉ có một kiếp sống và căn cứ trên những điều đã làm ở kiếp sống này mà con người đi vào thiên đàng vĩnh cửu hay hỏa ngục đời đời. Phân tích ra,

* Người chủ trương như vậy không nhìn nhận có quá khứ vì không chấp nhận tiền kiếp, mà lại tin vào một tương lai vô tận.

* Nhìn kỹ, khi đời sống ở thiên đàng hay địa ngục (nếu có) tương ứng với cái nhân đã tạo thì đương nhiên có một giới hạn cho khoảng thời gian ở hai nơi trên. Mỗi hành động hay tư tưởng đều chỉ sử dụng lượng năng lực nhất định và do đó giới hạn, vậy kết quả hợp lý sinh ra cũng phải bị giới hạn; đổ một lít xăng vào xe, xe chỉ có thể chạy vài cây số mà không thể chạy mãi mãi, thì cái nhân tốt hay xấu có thể mang lại cho con người một thời gian hạnh phúc hay không vui, nhưng sau thời gian đó ta phải trở lại cõi trần để tiếp tục học hỏi, không thể ở mãi thiên đàng hay địa ngục. Hành động giới hạn trong đời không thể cho ra kết quả vô hạn trong tương lai, hoặc phần thưởng (thiên đàng) vô tận, hoặc trừng phạt (địa ngục) vô tận.

Hiểu biết về luật tái sinh có giá trị thực tiễn ít nhất hai điều:

* Thân xác của kiếp tới tùy thuộc vào thể xác kiếp này, ít ra là một phần. Sự lạm dụng hay chăm sóc thể xác cho ra kết quả trở lại, thế nên con người cần cẩn trọng hơn trong việc nuôi dưỡng và sử dụng nó.

* Ta nhìn tuổi già và sự chết với quan niệm khác hẳn, nó không còn mang ý niệm bất lực, chẳng còn thực hiện điều chi, mà có thể được xem là giai đoạn chuẩn bị cho kiếp sống tới. Thực vậy, có những thí dụ cho thấy nhiều việc làm ở cuối đời đã giúp cho kiếp sống mới bắt đầu tốt đẹp, như Charles và Nathaniel trong chương Anh của chuyện Vòng Tái Sinh (đăng trong trang web này). Bằng cách ấy ta đạt tới một trong những mục đích của luân hồi là học chế ngự và sử dụng hình thể đúng đắn, không để cho nó chi phối tinh thần qua bệnh tật như trường hợp Charles.

Khuynh hướng chuộng tuổi trẻ và sợ hãi tuổi già của xã hội ngày nay làm con người chống đối lại việc chỉ là điều phải tới theo tiến trình tự nhiên. Hiểu biết luật trời cho tâm hồn bình an, người ta không còn cưỡng lại sự bất lực, đau yếu do tuổi già mang đến, tuy rằng đó là phản ứng dễ hiểu. Thay vậy, nên học cách đón nhận bước đường tới một cách bình thản vui vẻ.

Việc chú trọng quá đáng vào khía cạnh hình thể, thân xác lúc tuổi già đến có thể gây trở ngại cho sự rút lui của linh hồn, khiến việc duy trì sự sống của thân xác thành ưu tiên bậc nhất. Ngày giờ con người rút lui khỏi cõi trần đã được karma đặt để, nó ấn định việc tách rời con người thật với xác thân, nhưng nếu thể xác được chăm chút quá độ, nó có thể thành nhà tù giam cầm con người thật, đi ngược với karma và gây ra cảnh ngộ đáng tiếc (xem thêm chương Karma).

Tuổi già với kinh nghiệm cho ta cơ hội nhìn lại cuộc đời và nhận xét sự việc sáng suốt hơn; tuy nhiên ý nghĩa mọi việc chỉ được nắm trọn khi ta nhìn theo quan điểm chân nhân, tinh thần thay vì vật chất và hình thể. Làm được vậy, khi tái sinh con người sẽ mang theo óc tỉnh thức rõ ràng về mình sớm sửa trong đời.

Trong giai đoạn cuối khi sức lực suy kém, người ta có thể hỏi mình còn làm được gì. Mà còn bao chuyện làm được khi ấy, một điều mà ai cũng có thể làm là yêu nhiều hơn, yêu sáng suốt, không vị kỷ. Đó cũng là cách chuẩn bị đẹp đẽ, khôn ngoan cho tương lai. Hiểu biết tính trường cửu của đời sống khiến con người nhận ra những giá trị chân thật cùng điều sai lầm và có viễn ảnh đúng đắn.

Sau hết, đối với những cố gắng đã thực hiện được mà chưa mang lại kết quả, tái sinh cho ta thấy không một chuyện gì mất đi, việc chi đã khơi dậy sẽ được mang tiếp sang kiếp tới, bởi con người gặt cái đã gieo và luật trời tuy chậm, có tác dụng biến ảo so với tâm thức người nhưng không hề sai chạy. Ý nghĩa tốt lành của luật tái sinh nằm gọn trong tên khác mà ta đã nói phớt qua: luật Cơ Hội, cơ hội để hoàn chỉnh lại cái đã làm sai do vô minh, để cho mỗi kiếp con người có một thể xác tiến hóa hơn, đáp ứng nhiều hơn, thanh nhẹ hơn và rung động ở mức khá hơn trước.

B. CƠ CHẾ

I. YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG

Có nhiều yếu tố ảnh hưởng việc chọn lựa nơi chốn, ngày giờ tái sinh.

1. Karma.

Nói về vũ trụ tuyến, chúng là những lực đến từ các chòm sao trong vũ trụ. Các lực ấy còn được gọi là tính chất các cung. Ở mỗi vị trí trên quỹ đạo của nó quanh mặt trời, địa cầu tiếp nhận một ảnh hưởng khác nhau của các lực. Tính trọn hảo của luật tái sinh được thấy qua việc tháng sinh con người được ấn định bằng chính cái tháng họ vừa qua đời trước đó. Thí dụ họ qua đời tháng X thì cũng sẽ tái sinh vào tháng ấy, tiếp tục sự học mà linh hồn đã bỏ dở với cùng loại năng lực dưới hình thức các vũ trụ tuyến và vận cụ mà nó đã có khi lứa đời kiếp trước, tức không có một khoảng trống nào trên con đường tiến hóa.

2. Nhóm của Linh Hồn

Con người tái sinh do ý muốn của linh hồn, nhưng việc hoàn toàn không phải vậy. Linh hồn do tính chất của mình sẽ thuộc về một trong 7 nhóm chính (7 cung), và do đó tái sinh bởi các động lực sau:

- Động lực dựa trên sức sống của nhóm
- Động lực của linh hồn

Ban đầu ý thức con người chìm vào ý thức nhóm, ý chí nhóm vì vậy ưu thắng, đây là ý thức bày quan sát rõ ở thú vật, chúng quây quần và sống chung với nhau gần như trong suốt cuộc đời. Linh hồn không tái sinh đơn độc mà tập thể, theo ý của nhóm; đó là căn bản của cộng nghiệp, nghiệp quả quốc gia, nghiệp quả gia đình.

Diễn trình tái sinh có thể tả như sau. Cái kích động từ trung tâm nhóm do Hành tinh Thượng đế gọi nên, gây ra làn rung động lan khắp nhóm, nó thúc đẩy hoạt động trở lại, và lan đi mãi cho tới khi tất cả những đơn vị nào đáp ứng với nhịp rung động đặc biệt ấy được tỉnh thức. Mỗi đơn vị như thế phát ra một âm, khởi sinh rung động của riêng nó và tiến trình tạo thể bắt đầu. Ý muốn tái sinh riêng tư là cái phản ứng với sự thúc đẩy của nhóm, và là kết quả của karma cá nhân như thấy trong mối dây giữa Cheor và Shahballazz, Chloris và Serretes, Charles và con.

Kế tiếp, linh hồn càng tiến hóa càng có nhiều tự do lựa chọn khi tái sinh. Động cơ thúc đẩy họ bớt dần tính riêng tư mà nặng về lợi ích chung cho nhóm.

3. Tạo điều kiện cho nền văn minh.

Việc tái sinh theo nhóm nói ở trên cho ra nhiều chuyện đáng tìm hiểu. Đa số linh hồn trở lại vì tuân theo cái giục giã hay ham muốn có kinh nghiệm, và hấp lực từ cõi trần là yếu tố quyết định sau cùng. Các linh hồn ấy định hướng về sự sống ở cõi vật chất. Ngoài ra có những linh hồn thức tỉnh, biết đôi chút về bản tính thật của mình, tái sinh với ý thức lơ mơ về một thúc giục khác từ trên cao. Họ không định hướng mạnh về cõi trần như đa

số, nhưng họ là những đơn vị có thể ảnh hưởng được khi cần đòi, hoãn thời điểm trở lại cõi trần hầu tạo điều kiện cho sự tiến triển của nền văn minh. Hoặc họ cũng có thể được thúc đẩy trở lại sớm hơn để sự có mặt của họ gây thuận lợi cho điều ấy.

Linh hồn như vậy thực hiện chương trình mà không ý thức vai trò của mình hay nhấn mạnh nó quá đáng. Tình trạng thế giới xảy ra tự nhiên chỉ vì ảnh hưởng họ gây trong đời qua lối sống, qua việc họ theo đuổi mục tiêu riêng. Những linh hồn ấy tạo điều kiện cho môi trường chung quanh bằng vẻ mỹ lệ, quyền năng hay ảnh hưởng của đời mình và thường khi họ không ý thức về ảnh hưởng đã gây ra. Theo cách đó, những thay đổi cần thiết trong nền văn minh con người có thể được mang lại mau hay chậm tùy theo số linh hồn đang thức tỉnh này. Hiện tượng thế giới đang có phong trào bảo vệ thú vật, môi sinh không phải là chuyện ngẫu nhiên, mà vì có sự tái sinh cùng lúc nhiều linh hồn thuộc khuynh hướng đó.

Có lời giải thích là vào thế kỷ 18, từ năm 1725 những đấng cao cả quyết định cần ảnh hưởng rõ rệt hơn một nhóm linh hồn đang chờ tái sinh, làm họ trở lại sớm hơn dự tính. Việc ấy đã thành, cho ta thời đại mới với cả chuyện tốt và xấu. Văn chương, nghệ thuật của thời Victoria, những phong trào làm thức tỉnh lương tri về quyền căn bản, phản ứng với tính cách giáo điều của giáo hội Thiên Chúa, khám phá khoa học và sự phát triển lạ lùng của nó, cũng như cuộc cách mạng vô sản và tình dục của thế kỷ 20 đều là kết quả của việc bị tái sinh sớm của những linh hồn mà ngày giờ trở lại chưa tới; nhưng sự có mặt của họ tạo điều kiện cần thiết nếu muốn tránh một số khó khăn có từ 1525. Vài kết quả xấu nêu trên cho thấy cái trở ngại đi kèm với việc phát triển tâm linh trước hạn kỳ.

Những linh hồn này do mức hiểu biết đã phát triển cao độ và do năng lực ý chí thường gây ra họa ở mọi mặt. Dầu vậy nếu có thể nhìn như các đấng bên trong, và so sánh mức tiến bộ của nhân loại ngày nay với 200 hay 300 năm về trước, ta sẽ thấy ngay nhiều tiến bộ to tát đã được thực hiện, và chúng có là sự hiện diện trên thế giới từ 1925 nhóm người lý tưởng giúp đời (New Group of World Servers). Họ sinh được từ lúc ấy vì nhóm người ở trên đã tới, bỏ công sức lập nền tảng dưới sự thúc giục của Thiên đoàn. 'Tạo điều kiện' hay 'ảnh hưởng' là chức năng của họ.

Do trình độ của họ, mức phát triển và do khả năng ghi nhận tư tưởng và thiên cơ, những linh hồn này có thể tái sinh và khởi đầu ít hay nhiều việc thực hiện thiên cơ, khơi dậy sự đáp ứng trong tâm thức con người. Họ ở vị trí chuẩn bị sự trở lại của đức Di Lặc (đức Chúa); đôi khi họ cảm mơ hồ công tác nặng nề ấy nhưng trong đa số trường hợp, không hay biết chút gì về sứ mạng 'tạo điều kiện' của mình. Khi ở cõi cao chờ lúc tái sinh dưới sự hướng dẫn của Thiên đoàn, họ ý thức sự thúc giục phải trở lại thế giới giúp đời, nhưng lúc khoác lấy hình hài vật chất, tâm thức chìm sâu vào trong não bộ, họ không biết mục tiêu mà linh hồn đã nhắm tới mà chỉ cảm sự thôi thúc tạo một sinh hoạt nào đó, và công việc mặc dù vậy vẫn được tiến hành.

Việc linh hồn có thể được thôi thúc trở lại thấy rõ trong thời kỳ đức Phật giảng đạo. Đã có sự thu xếp cho các đệ tử trở lại cùng lúc với Ngài để tận dụng cơ hội thuận lợi, và ta có hiện tượng hàng trăm vị đệ tử đắc quả La Hán trong thời đức Phật. Việc tương tự xảy ra khi đức Chúa sống ở Palestine và thế giới sẽ chứng kiến cảnh ấy lần nữa khi Ngài tái hiện.

Trước hết, nòng cốt của tôn giáo mới là số đông những người đang gắng giúp đời. Đây là những ai đã từng quây quần, trợ lực đức Chúa ngày xưa. Bởi cuộc tiến hóa đi theo vòng xoắn ốc, những điều kiện tương tự sẽ lặp lại, nhu cầu như ngày xưa nổi lên, và nhiều linh hồn hiện diện lúc này đã từng biết Ngài trong những kiếp ở đông phương (một tiên thân của Ngài là đức Krishna tại Ấn), những ai đã được Ngài dạy dỗ hay chữa bệnh, đã tiếp xúc hay vì một lẽ gì đó có liên hệ nhân quả với Ngài hay Chân Sư Jesus, lúc này sẽ có cơ hội hợp tác. Ai thành tâm cảm thấy có mối liên hệ chặt chẽ với đức Chúa, yêu mến Ngài, đều có thể tin chắc là họ đã từng thấy, biết và rất có thể đã từng quý yêu, phụng sự Ngài.

Một số nhỏ linh hồn tái sinh do chính ước muốn và ý chí riêng. Họ làm việc với sự hiểu biết rõ ràng và một lòng một dạ làm tròn chuyện của mình. Đó là các yếu nhân trong bất cứ thời đại nào, là yếu tố quyết định về mặt tâm lý trong mọi giai đoạn lịch sử. Họ nhận vào người sự thương và ghét của thế giới, hành xử như là kẻ Phá Hoại trật tự cũ, hay kẻ Xây Dựng mang lại tự do cho mọi người (vai trò Gorbachev tại Nga có thể gợi ý đó).

Linh hồn tiến xa có thể chọn một kiếp để làm việc chuyên về một nguyên lý, trong trường hợp ấy kiếp sống dưới trần mang nặng ý nghĩa của việc thể hiện một đặc tính, thí dụ rõ nhất là nữ tu Teresa và công tác nhân ái tại Ấn. Có vẻ như linh hồn cố tình hoạt động theo đường lối rõ rệt để làm vang lên một nốt duy nhất, trong trẻo. Con người có đam mê cao độ gần như là cuồng tín, mang lại được nhiều điều cho đồng loại, dù bộ óc xác thịt có thể không ý thức sự thúc giục của chân nhân.

Lại nữa, con người sẽ đi từ mục đích nhỏ sang mục đích lớn, nhiều kiếp được dành để tạo khả năng về một mặt, thí dụ tài chính; mục tiêu kế là óc sáng tạo và mấy kiếp theo sau sẽ chuyên về nghệ thuật.

II. THỜI GIAN GIỮA HAI KIẾP SỐNG

Ta không thể đưa một khoảng thời gian phỏng chừng giữa hai kiếp sống, và sách vở nào ghi điều ấy thì không đáng tin vì nhiều lý do.

Như trên đã nói, mỗi linh hồn thuộc về một cung và tái sinh tùy theo việc cung ấy đang ở thời kỳ biểu lộ hay không ở cõi trần. Mỗi cung có chu kỳ dài ngắn khác nhau, có cung theo chu kỳ 2.500 năm còn cung khác không giống vậy. Sự khác biệt này gây ảnh hưởng to lớn lên chu kỳ của chân nhân, và ấn định khoảng thời gian giữa hai kiếp sống. Có chân nhân đi mau, chỉ dành khoảng thời gian ngắn giữa hai kiếp sống rồi trở lại ngay; có chân nhân mất vô số thời gian nên không thể nói là có một thời kỳ nghỉ 'trung bình' giữa hai kiếp sống.

Sách vở đưa ra những chi tiết không quan trọng, không cần thiết, thiếu chính xác và hoàn toàn đoán mò về hiện tượng giữa hai kiếp sống. Những chi tiết này dựa trên việc dùng thông nhãn quan sát cõi tinh cảm, đưa ra nhận định sai lạc mà thí dụ rõ nhất là con số nêu lên về thời gian giữa hai kiếp sống. Sách ghi rằng linh hồn càng tiến hóa chừng nào, thời gian vắng mặt ở cõi trần càng dài chừng ấy, nhưng thực tế ngược lại. Linh hồn đã hiểu biết, ai mà khả năng tâm linh đang phát triển nhanh thì trở lại mau chóng, bởi họ nhạy cảm với sự thôi thúc của những ràng buộc, trách nhiệm cùng những dự tính đã đặt nền móng ở cõi trần.

Điều ta hay quên là thời gian là hậu quả của việc não bộ ghi nhận sự kiện và trạng thái tâm thức. Khi não bộ mất đi, ý niệm về thời gian không còn nữa. Việc mất dần đi những hàng rào do hình thể dựng nên (là các thể xác, tinh cảm, trí) sau khi chết làm tăng thêm ý thức về Hiện Tại Vĩnh Cửu. Trong trường hợp người đã qua đời mà vẫn còn ý niệm về thời gian, ấy là do ảo tưởng và sự kéo dài của hình tư tưởng mạnh mẽ (xin đọc phụ lục Đời Sống Bên Kia của bài Cửa Vào Đời Sống Mới trong trang web này). Nó cho thấy tâm thức trụ ở cõi tinh cảm, và đó cũng là cõi mà tác giả các sách trên quan sát, dùng đó làm căn bản cho nhận định của mình. Họ tả chuyện họ thấy mà quên đi bản chất ảo của mọi việc quan sát ở đó. Việc cho yếu tố thời gian tầm quan trọng đáng kể và không ngừng nhấn mạnh vào khía cạnh ngày giờ là đặc tính của những ai đã phát triển, hay có trí cụ thể mạnh mẽ. Trẻ con và giống dân chưa phát triển cùng những ai tiến xa thường không có ý niệm về thời gian. Vị đạo gia (initiate) lưu tâm đến yếu tố thời gian trong việc làm và mối liên hệ của mình nơi cõi trần, nhưng ở cõi khác họ hoàn toàn tách khỏi ý đó.

Ví vậy, con người tái sinh không do cái thúc giục của thời giờ. Họ trở lại do đòi hỏi của liên hệ nhân quả, chịu sự lôi kéo mà họ -với tư cách là linh hồn- đã khởi sự và cảm thấy phải hoàn thành những gì đã gây ra; họ

cũng trở lại cõi trần do ý thức trách nhiệm và để sửa việc đã vi phạm luật khi xưa.

Chuyện buông thả tình dục hiện nay sinh ra vấn đề là nó khiến một số lớn linh hồn tái sinh quá lệ trong khi họ chưa sẵn sàng để nhận kinh nghiệm kiếp này, thường khi đó là linh hồn còn trẻ bị cõi vật chất và đam mê nhục dục thu hút mạnh. Linh hồn chưa tiến hóa trở lại mau chóng hơn, còn linh hồn già dặn cần thời gian lâu giữa hai kiếp sống để tiêu hóa kinh nghiệm. Dầu vậy người sau để dành đón nhận từ lực thu hút của ai đang sống ở cõi trần và họ là những linh hồn có thể được mang đi tái sinh sớm hơn dự trù. Công việc tiến hành theo đúng luật, nhưng linh hồn chưa tiến hóa đi theo luật của nhóm giống như loài vật, trong khi người tiến bộ hơn cảm nhận sức hấp dẫn của ai còn sống, và ai tiến xa hơn nữa tái sinh theo luật Phụng Sự, cố tình trở lại theo sự chọn lựa của linh hồn.

C. TẠO CÁC THỂ MỚI

Để sinh hoạt ở những cõi thấp linh hồn cần bốn thể: xác, sinh lực, tình cảm và hạ trí. Chúng do thiên thần hay các bà mẹ như dân gian thường gọi tạo thành, và công việc diễn tiến song song nhưng bắt đầu không cùng lúc. Thể trí được tạo trước, khi chuyện xong 2/3 thì việc tạo thể tình cảm bắt đầu, và khi một phần thể sau đã xong, ta có thể sinh lực khởi sự. Chỉ lúc bước qua giai đoạn hai của thể sinh lực thì mới xảy ra việc đậu thai dưới trần.

Thiên thần không chấm dứt hoạt động khi hài nhi chào đời mà vẫn tiếp tục qua ba giai đoạn:

- Sau khi lọt lòng, công việc của họ được hướng tới sự nảy nở đều đặn của thể xác để nó theo sát cái tăng trưởng của hai thể tình cảm và trí, mãi cho đến trưởng thành.

- Kế tiếp phần lớn công việc là bảo trì và sửa chữa, gìn giữ thể xác trong những năm sau đó, hầu cho nó có thể đảm đương chuyện đã định sẵn trong kiếp này.

- Sau cùng chuyện xây dựng chấm dứt, sinh lực yếu đi và tiến trình phá hủy, tan rã khởi sự.

Dưới đây ta ghi lại sự quan sát bằng thông nhãn của ông Geoffrey Hodson về việc tạo hình các thể xác, tình cảm và trí do thiên thần trông coi, trích từ quyển *The Miracle of Birth*.

Thể Trí ở Tháng Thứ Tư

Vào tháng thứ tư thể trí dường như không màu, đường nét còn mờ nhạt và gần như có hình trứng. Trên bề mặt có lấp lánh ngũ sắc, bên trong có màu vàng nhạt rất thanh, lục, hồng và xanh, với màu tím ở phần trên của hình. Màu rất thanh nhẹ tới nỗi chúng gọi ta nghĩ đến màu hơn là màu thực sự, và nói trước đặc tính của thể trí đang tạo.

Những hạt cấu tạo nên trọn thể trí di chuyển mau lẹ, ở bề mặt chưa thấy các luân xa hiện rõ. Trong thể ngay ở trung tâm có dạng hình người mờ nhạt, ta thấy được mấy luân xa ở đó; lực chảy liên tục qua một lỗ trên đầu vào các luân xa, chỉ có luân xa ở đầu là có hoạt động nhưng cũng chưa rõ rệt. Chân nhân chăm chú lo việc tạo các thể trong suốt thời gian ấy, tuôn lực xuống và thấm tràn các hạt nguyên tử với năng lực rung động đặc biệt.

Với chân nhân tiến xa, nó tỏ ra có hiểu biết nhiều trong việc tạo thể. Nó có ý tưởng rõ ràng về loại thân xác muốn dùng và thường lộ ý quyết tâm mạnh mẽ để được thể như vậy.